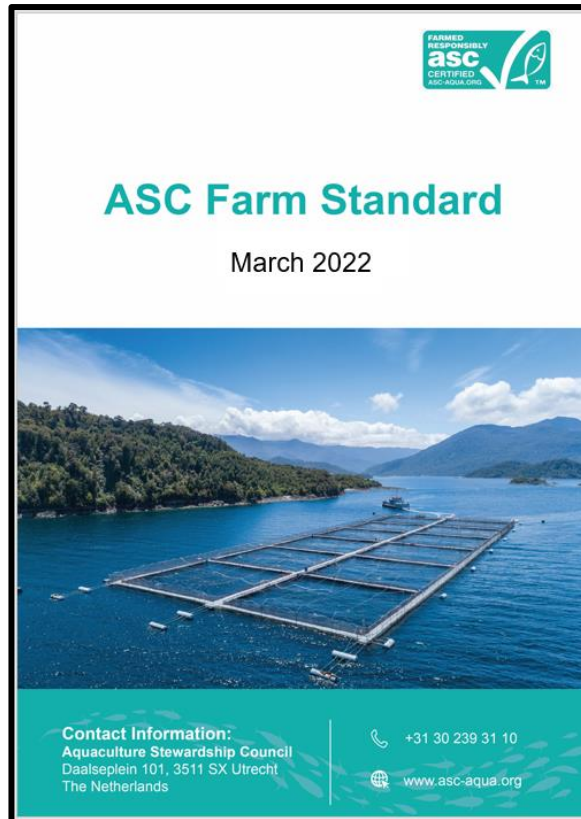


Tiêu chuẩn trại nuôi ASC Câu hỏi thường gặp (FAQ)

Tham vấn cộng đồng
1 tháng 3 – 30 tháng 4 năm 2022



Mục lục

1. Tiêu chuẩn trại nuôi ASC là gì?.....	5
2. Tại sao ASC lại hợp nhất các tiêu chuẩn hiện hành thành Tiêu chuẩn trại nuôi ASC?	5
3. Phạm vi của Tiêu chuẩn trại nuôi ASC là gì?	5
4. Tiêu chuẩn trại nuôi ASC bao gồm những nội dung gì?	5
5. Cấu trúc của mỗi nguyên tắc trong Tiêu chuẩn trại nuôi ASC là gì?.....	7
6. Tiêu chí và quy định nào được đưa ra lấy ý kiến trong vòng tham vấn diễn ra từ ngày 1 tháng 3 đến ngày 30 tháng 4 năm 2022?	7

7. Kết quả dự kiến của Nguyên tắc 1 là gì?	7
8. Kết quả dự kiến của Nguyên tắc 2 là gì?	7
9. Kết quả dự kiến của Nguyên tắc 3 là gì?	8
10. Nguyên tắc 1 có bao gồm các yêu cầu truy xuất nguồn gốc trại nuôi không? Điều này có thay thế Chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm trong trường hợp chứng nhận từng phần không?	8
11. Có phải tất cả tiêu chí đều được áp dụng cho tất cả đơn vị được cấp chứng nhận không?	8
12. Bản dự thảo của tiêu chuẩn được xây dựng như thế nào?	9
13. Tiêu chuẩn trại nuôi ASC được xây dựng theo tiến độ như thế nào?	9
14. ASC sử dụng ý kiến đóng góp của các bên liên quan như thế nào?	9
15. Liệu ASC có đưa ra những yêu cầu mới không?	10
16. Tiêu chuẩn trại nuôi ASC có còn xem xét từng loài nuôi và hệ thống nuôi trồng cụ thể không?	10
17. Tiêu chuẩn trại nuôi ASC có đưa ra yêu cầu cho Hệ thống nuôi trồng tuần hoàn (RAS) không? Các yêu cầu đó được đề cập như thế nào?	10
18. Liệu có thể bổ sung loài nuôi mới vào Tiêu chuẩn trại nuôi trong tương lai không?	10
19. Trại nuôi của tôi đã được cấp chứng nhận ASC. Việc hợp nhất tiêu chuẩn có liên quan như thế nào đến hoạt động của trại nuôi?	10
20. Việc hợp nhất tiêu chuẩn có giúp việc đánh giá trở nên hiệu quả hơn không?	10
21. Chi phí cấp chứng nhận thì thay đổi như thế nào?	11
22. Cơ quan CAB được đào tạo tiêu chuẩn mới như thế nào?	11
23. Tôi có thể tìm thêm thông tin ở đâu?	11
24. Tôi có thể tham gia và đóng góp ý kiến bằng cách nào?	11
25. Tiêu chuẩn trại nuôi ASC có đưa ra yêu cầu về an sinh động vật không?	11
26. Tiêu chuẩn trại nuôi ASC bảo vệ an toàn cho con người ở mức độ nào?	11
27. Khung quản lý rủi ro có thay thế hoàn toàn nhu cầu sử dụng chuyên gia tư vấn không?	12
28. Đối với tác động của biến đổi khí hậu, nhất là tác động gây sự cố xổng thoát, thì Khung quản lý rủi ro xem xét đến mức độ nào?	12
29. Các yêu cầu hiện hành về Quản lý theo vùng có phần hạn chế trong Tiêu chuẩn cá hồi. Liệu Tiêu chuẩn trại nuôi ASC có gặp tình huống tương tự hay không?	12
CÂU HỎI RIÊNG VỀ NGUYÊN TẮC 2	13
2.2 MÔI TRƯỜNG SỐNG QUAN TRỌNG VỀ MẶT SINH THÁI (BAO GỒM RỪNG NGẬP MẶN):	13
30. Loài X có được đề cập trong Tiêu chí 2.2 không?	13
2.3 TƯƠNG TÁC VỚI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ:	13
31. Tại sao ASC lại thay yêu cầu về ngưỡng từ vong thành yêu cầu báo cáo và đưa ra biện pháp khắc phục?	13
2.4 LOÀI NGOẠI LAI:	13
32. RAS khép kín hoàn toàn có thể đảm bảo loài nuôi không xổng thoát đến mức độ nào?	13
33. Động cơ nào khiến ASC xem xét việc cho phép động vật biến đổi gen?	13
2.5 XỔNG THOÁT:	14

34.	Liệu tất cả trại nuôi (bất kể nuôi loài nào) có phải đáp ứng yêu cầu đếm chính xác số lượng cá đến 98% hay không?.....	14
2.6	TÁC ĐỘNG ĐẾN VÙNG ĐÁY:	14
35.	Có phải tiêu chí liên quan đến vùng đáy chỉ được áp dụng cho các đơn vị nuôi lồng bè?.....	14
36.	Phương pháp tiếp cận theo bậc hoạt động như thế nào?.....	14
37.	Phương pháp tiếp cận theo bậc có loại bỏ hoàn toàn nhu cầu thiết lập mô hình cho Vùng tác động cho phép (AZE) không?	14
2.8	XÂM NHẬP MẶN:	15
38.	Tấm bảo vệ bề mặt đáy không thấm nước chỉ hoạt động hiệu quả khi che phủ 100% đất. Liệu đánh giá viên có xác minh việc trại nuôi sử dụng tấm lót ao tại các khu vực dễ bị nhiễm mặn không? Làm sao để xác minh khi trại nuôi được đánh giá vào thời điểm hoạt động hết công suất, tất cả trại được nuôi trồng và ao thì đầy nước?.....	15
2.9	BÙN THẢI (CHẤT RẮN SINH HỌC):	15
39.	Phạm vi của tiêu chí nào có áp dụng cho tất cả loài nuôi hay không, kể cả thân mềm hai mảnh vỏ?.....	15
2.10	SỬ DỤNG NƯỚC NGỌT:	15
40.	Tiêu chuẩn trại nuôi có cho phép cơ sở RAS sử dụng nước uống không? ..	15
41.	Một số chỉ số đã được loại bỏ khỏi quy định này, điều này có làm tiêu chuẩn kém hiệu quả không?.....	15
42.	Việc không cho phép sử dụng nước ngọt để giảm độ mặn dựa trên cơ sở lý luận nào, ngay cả khi việc sử dụng này được giám sát hợp lý và không gây tác động tiêu cực đến các đơn vị khác cũng dùng chung nguồn nước?	15
43.	Ở những vùng mà có nhiều đơn vị sử dụng cùng một nguồn nước, trại nuôi xác định mức độ tác động của mình như thế nào?	16
2.11	SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG VÀ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH	16
44.	Liệu có hướng dẫn giúp trại nuôi xác định điểm bắt đầu và điểm kết thúc trong chuỗi cung ứng để ước tính lượng phát thải khí nhà kính (KNK) không?.....	16
45.	Các tính toán về KNK có xem xét tới phạm vi ngoài trại nuôi không, ví dụ như điểm thu hoạch, nhà máy chế biến, điểm giao nhận, v.v.?	16
46.	Chủ đề Carbon xanh, chẳng hạn Nuôi trồng thủy sản đa dinh dưỡng tích hợp (IMTA) và nuôi trồng rong biển, có được xem xét khi tính lượng phát thải KNK hay không?	17
47.	Hệ thống nuôi trồng nào sử dụng nhiều và ít năng lượng nhất?.....	17
48.	Nuôi trồng thủy sản góp bao nhiêu vào lượng phát thải KNK toàn cầu?.....	17
49.	So với sản phẩm từ các loài động vật khác, sản phẩm nuôi trồng thủy sản khác biệt như thế nào?	17
50.	Tác động của sản phẩm được cấp chứng nhận ASC lên lượng phát thải KNK có ít hơn các sản phẩm nuôi trồng thủy sản khác không?	18
2.13	THỨC ĂN CHĂN NUÔI	18
51.	Tiêu chuẩn trại nuôi ASC có bao gồm yêu cầu về thức ăn chăn nuôi không? Các yêu cầu đó có tương tự như trong tiêu chuẩn ASC hiện hành không?	18
52.	Liệu từ ngữ được sử dụng trong quy định và yêu cầu có nhất quán với Tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi ASC không?.....	18
2.15	KIỂM SOÁT KÝ SINH TRÙNG (BAO GỒM RẶN BIỂN)	19
53.	Chỉ số Số lần điều trị bằng thuốc (WNMT) có còn được áp dụng?.....	19

54.	Yêu cầu về rận biển được sửa đổi như thế nào? Liệu có phải các yêu cầu đó chỉ được xây dựng dựa trên các quy định quốc gia?	19
55.	Yêu cầu về rận biển có sử dụng ngưỡng quan ngại không?	19
2.16 THUỐC KHÁNG SINH VÀ CÁC THUỐC THÚ Y KHÁC		19
56.	Quy tắc sử dụng thuốc kháng sinh có tương tự đối với tất cả loài nuôi trong ASC không?.....	20
57.	Trại nuôi được cấp chứng nhận ASC có được sử dụng thuốc kháng sinh mà Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) liệt kê không?	20
58.	Có thể bán thủy sản dán nhãn ASC nếu ‘thuốc kháng sinh quan trọng’ được dùng trong quá trình nuôi trồng hay không?	20
59.	Tại sao ‘thuốc kháng sinh quan trọng’ lại được phép sử dụng? Việc này có làm tăng nguy cơ kháng thuốc kháng sinh không?	20
60.	ASC có còn quy định lượng kháng sinh điều trị tối đa hay không?	20
61.	Liệu các thay đổi trong yêu cầu sử dụng thuốc kháng sinh có làm tăng khả năng dung nạp kháng sinh hay không?	20
62.	Các yêu cầu về thuốc kháng sinh giải quyết đóng góp ra sao vào mục tiêu của ASC là giảm thiểu tác động đến môi trường?.....	21
2.17 TRẠI GIỐNG VÀ ĐIỂM NUÔI TRUNG GIAN.....		21
63.	Để tuân thủ tiêu chuẩn, nhà cung cấp con giống sẽ phải cam kết đáng kể về mặt thời gian lẫn tài chính, ASC làm thế nào để đảm bảo họ tuân thủ?	21
PHỤ LỤC 3: KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO.....		21
64.	Khung quản ký rủi ro là gì?.....	21
65.	Quản lý rủi ro là gì?	21
66.	Tại sao ASC lại đưa quản lý rủi ro vào Tiêu chuẩn trại nuôi?	22
67.	Nội dung nào của Tiêu chuẩn trại nuôi sẽ áp dụng Khung quản lý rủi ro?	22
68.	Khung quản lý rủi ro hoạt động như thế nào?	22
69.	Ai là người sẽ hoàn tất việc đánh giá rủi ro và làm sao để sử dụng công cụ này?	23
70.	Liệu Khung quản lý rủi ro có thay thế yêu cầu hiện tại về BEIA và pSIA?	23
71.	Khung quản lý rủi ro hoạt động như thế nào với các quy định có liên quan đến chỉ số đo lường?.....	23

Tiêu chuẩn trại nuôi ASC – Câu hỏi chung

1. Tiêu chuẩn trại nuôi ASC là gì?

Tiêu chuẩn trại nuôi ASC được xây dựng nhằm thống nhất và áp dụng nhất quán các tiêu chí, yêu cầu về tất cả loài thủy sản nuôi hiện (và sau này) được cấp chứng nhận ASC. Điều này cho phép cách tiếp cận thống nhất và hiệu quả hơn khi bổ sung loài nuôi mới, cũng như khi sửa đổi các tiêu chuẩn ASC.

Sau khi được hoàn thiện, Tiêu chuẩn trại nuôi ASC sẽ thay thế hoàn toàn 11 tiêu chuẩn thủy sản nuôi hiện tại (ngoại trừ Tiêu chuẩn rong biển ASC-MSD, Tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm, và Tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi) bằng một tiêu chuẩn duy nhất.

2. Tại sao ASC lại hợp nhất các tiêu chuẩn hiện hành thành Tiêu chuẩn trại nuôi ASC?

Việc hợp nhất các tiêu chuẩn hiện hành thành một tiêu chuẩn duy nhất sẽ mang đến một số lợi ích nhất định cho các bên liên quan và đáp ứng sứ mệnh của ASC. Bên cạnh tăng cường tính nhất quán và công bằng giữa các yêu cầu về các loài thủy sản nuôi khác nhau, Tiêu chuẩn trại nuôi ASC còn làm tăng tính hiệu quả của chương trình ASC và giúp ASC phản ứng nhanh hơn với thay đổi trong ngành nuôi trồng thủy sản. Ví dụ, nếu muốn thay đổi một yêu cầu nhất định, thì ASC phải cập nhật từng tiêu chuẩn thay vì cập nhật một tiêu chuẩn chung duy nhất. Hơn nữa, việc bổ sung loài nuôi mới tốn nhiều thời gian vì phải xây dựng toàn bộ tiêu chuẩn mới từ đầu. Nhưng nếu có một Tiêu chuẩn trại nuôi chung, thì ASC chỉ cần thay đổi các yêu cầu cụ thể/tác động của riêng loài nuôi đó. Bằng cách này, ASC vừa đảm bảo tiêu chuẩn giữ được tính nghiêm ngặt, vừa đảm bảo các quy trình cũng trở nên hiệu quả và nhanh chóng hơn.

3. Phạm vi của Tiêu chuẩn trại nuôi ASC là gì?

Tiêu chuẩn trại nuôi ASC sẽ được áp dụng rộng rãi trên toàn cầu cho các hệ thống nuôi trồng thủy sản chính. Các loài đầu tiên được đưa vào tiêu chuẩn chung sẽ là các loài đã được ASC xây dựng tiêu chuẩn riêng (Bào ngư; Thân mềm hai mảnh vỏ; Cá bơn; Cá hồi nước ngọt; Cá tra; Cá hồi; Cá chêm, Cá tráp, Cá lù đù; Họ Cá cam và Cá bớp; Tôm; Cá rô phi; và Cá có vây nhiệt đới). Sau khi hoàn thành Tiêu chuẩn trại nuôi, ASC dự định sẽ mở rộng phạm vi loài nuôi trong tiêu chuẩn định kỳ, phù hợp với mục tiêu chiến lược của chương trình. Tiêu chuẩn trại nuôi sẽ được áp dụng cho tất cả trại nuôi lớn nhỏ trên toàn thế giới.

Theo đúng sứ mệnh của ASC, Tiêu chuẩn trại nuôi sẽ bao quát các tác động tiêu cực của chính của ngành nuôi trồng thủy sản – từ giai đoạn trứng đến khi thành thương phẩm – đến môi trường và xã hội. Trại nuôi được cấp chứng nhận ASC cam kết góp phần làm giảm hoặc loại bỏ các tác động tiêu cực này.

4. Tiêu chuẩn trại nuôi ASC bao gồm những nội dung gì?

Giống như các tiêu chuẩn ASC hiện hành, Tiêu chuẩn trại nuôi ASC bao gồm ba nguyên tắc được áp dụng cho tất cả đơn vị được cấp chứng nhận (UoC).

- **Nguyên tắc 1** - UoC hoạt động hợp pháp và quản lý kinh doanh hiệu quả.

- **Nguyên tắc 2** - UoC hoạt động một cách có trách nhiệm với môi trường.
- **Nguyên tắc 3** - UoC hoạt động một cách có trách nhiệm với xã hội.

Mỗi nguyên tắc bao gồm nhiều tiêu chí. Bên dưới là danh sách đầy đủ các tiêu chí trong ba nguyên tắc.

Nguyên tắc 1 - UoC hoạt động hợp pháp và quản lý kinh doanh hiệu quả.	
	Tiêu chí
1.1	Tuân thủ pháp lý
1.2	Hệ thống quản lý
1.3	Đạo đức kinh doanh
1.4	Truy xuất nguồn gốc và công bố minh bạch

Nguyên tắc 2 - UoC hoạt động một cách có trách nhiệm với môi trường	
	Tiêu chí
2.2	Môi trường sống quan trọng về mặt sinh thái
2.3	Tương tác với động vật hoang dã
2.4	Loài ngoại lai
2.5	Xông thoát
2.6	Tác động đến vùng đáy
2.7	Chất lượng nước
2.8	Xâm nhập mặn
2.9	Chất rắn sinh học
2.10	Sử dụng nước ngọt
2.11	Sử dụng năng lượng và phát thải khí nhà kính
2.12	Sử dụng vật liệu, kiểm soát chất thải và ô nhiễm
2.13	Thức ăn chăn nuôi
2.14	An sinh và sức khỏe cá
2.15	Kiểm soát ký sinh trùng (bao gồm rận biển)
2.16	Thuốc kháng sinh và các thuốc thú y khác.
2.17	Trại giống và điểm nuôi trung gian
2.18	Quản lý theo vùng (ABM)

Nguyên tắc 3 - UoC hoạt động một cách có trách nhiệm với xã hội.	
	Tiêu chí
3.1	Nhận thức về quyền
3.2	Lao động cưỡng bức, lao động trừ nợ, lao động bắt buộc và buôn bán người
3.3	Lao động trẻ em
3.4	Phân biệt đối xử

3.5	Sức khoẻ và an toàn
3.6	Thương lượng tập thể và quyền tự do hiệp hội
3.7	Hợp đồng minh bạch
3.8	Tiền lương
3.9	Giờ làm việc
3.10	Phản hồi về hành vi tại nơi làm việc
3.11	Chỗ ở cho người lao động
3.12	Cơ chế khiếu nại
3.13	Tương tác với cộng đồng

5. Cấu trúc của mỗi nguyên tắc trong Tiêu chuẩn trại nuôi ASC là gì?

Mỗi nguyên tắc bao gồm nhiều tiêu chí – mỗi tiêu chí hướng đến việc đạt được một kết quả, kết quả này đảm bảo UoC đạt được kết quả chung mà Nguyên tắc hướng đến. Mỗi tiêu chí bao gồm nhiều quy định – mỗi quy định giới thiệu một mục đánh giá, mục này đảm bảo UoC đạt được kết quả mà tiêu chí hướng đến.

Một số quy định trong Tiêu chuẩn trại nuôi ASC yêu cầu Mức hiệu quả thông số (Metric performance level, MPL) nhất định. MPL hoặc được định nghĩa trực tiếp ngay trong quy định, hoặc được liệt kê trong Phụ lục 1 'Hiệu suất nuôi trồng theo loài'.

Nguyên tắc và tiêu chí đều có phần cơ sở lý luận – nhằm cung cấp lý giải (đi kèm với tài liệu tham khảo nếu cần) rằng tại sao nguyên tắc hoặc tiêu chí đó là cần thiết.

6. Tiêu chí và quy định nào được đưa ra lấy ý kiến trong vòng tham vấn diễn ra từ ngày 1 tháng 3 đến ngày 30 tháng 4 năm 2022?

Tất cả tiêu chí được liệt kê trong câu hỏi 4 đều được đưa ra lấy ý kiến trong vòng tham vấn cộng đồng. Hiện tiêu chí 2.14 không có chủ đề An sinh cho cá, nhưng chủ đề này sẽ được đưa vào phiên bản cuối cùng của Tiêu chuẩn trại nuôi.

7. Kết quả dự kiến của Nguyên tắc 1 là gì?

Nguyên tắc 1 yêu cầu các đơn vị được cấp chứng nhận phải hoạt động hợp pháp và có đạo đức, đồng thời quản lý kinh doanh hiệu quả, đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của ASC trong suốt thời gian chứng nhận có hiệu lực.

8. Kết quả dự kiến của Nguyên tắc 2 là gì?

Nuôi trồng thủy sản, giống như các hệ thống sản xuất thực phẩm khác, đều phụ thuộc vào dịch vụ hệ sinh thái. Dịch vụ hệ sinh thái cung cấp nguyên liệu đầu vào và tiếp nhận chất thải đầu ra. Nếu không quản lý tốt và sử dụng quá mức các dịch vụ môi trường (các dịch vụ nhằm khai thác hiệu quả và bảo vệ môi trường), thì có thể khiến dịch vụ hoạt động quá công suất, dẫn đến các tác động tiêu cực đến môi trường. Nguyên tắc 2 tập trung vào tác động tiêu cực của nuôi trồng thủy sản đến môi trường.

9. Kết quả dự kiến của Nguyên tắc 3 là gì?

Ngành nuôi trồng thủy sản, bao gồm cả bên cung cấp và bên chế biến, đã mang đến thực phẩm, việc làm và thu nhập cho hàng triệu người trên toàn thế giới. Ngành có nhu cầu rất cao về nhân lực, đặc biệt ở trại nuôi và cơ sở chế biến. Hầu hết lao động của ngành tập trung tại các quốc gia đang phát triển.

Kết quả dự kiến của Nguyên tắc 3 là các cơ sở được cấp chứng nhận ASC sẽ hoạt động một cách có trách nhiệm với xã hội, tức là đảm bảo:

- Mọi người đều được đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính và được trao cơ hội như nhau
- Quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động được bảo vệ
- Người lao động được tạo điều kiện làm việc và sinh hoạt hợp lý
- Cơ sở được cấp chứng nhận tương tác tích cực với cộng đồng xung quanh và cộng đồng bản địa

10. Nguyên tắc 1 có bao gồm các yêu cầu truy xuất nguồn gốc trại nuôi không? Điều này có thay thế Chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm trong trường hợp chứng nhận từng phần không?

Có, bạn có thể tham khảo Tiêu chí 1.4 của Tiêu chuẩn trại nuôi ASC để biết các yêu cầu mới về truy xuất nguồn gốc trại nuôi. Chứng nhận từng phần sẽ chỉ giới hạn trong các trường hợp sau (được định nghĩa trong CAR v2.3 khoản 6.5):

- a. Vượt quá số lần điều trị bằng thuốc kháng sinh mà tiêu chuẩn ASC cho phép, nhưng được nước sản xuất và nhập khẩu chứng nhận là biện pháp duy nhất để bảo vệ sức khỏe động vật.
 - b. Sử dụng 'thuốc kháng sinh quan trọng', được Tiêu chuẩn ASC cho phép
 - c. Không thể sử dụng thức ăn tuân thủ tiêu chuẩn ASC vì các giới hạn thương mại
 - d. Không thể sử dụng con giống tuân thủ tiêu chuẩn ASC vì các giới hạn thương mại
- CAB phải đánh giá khả năng truy xuất nguồn gốc trước khi cho phép chứng nhận từng phần đối với những trường hợp này.

11. Có phải tất cả tiêu chí đều được áp dụng cho tất cả đơn vị được cấp chứng nhận không?

Các tiêu chí trong mỗi nguyên tắc có thể áp dụng cho:

- Mọi đơn vị được cấp chứng nhận (UoC) (ví dụ tiêu chí liên quan đến tuân thủ pháp luật hoặc yêu cầu lao động)
- Chỉ áp dụng cho các UoC vận hành một hệ thống nuôi trồng cụ thể (ví dụ tiêu chí liên quan đến nuôi lồng bè hoặc nuôi trong ao),
- Chỉ áp dụng cho các UoC nuôi trồng loài nuôi cụ thể hoặc có đặc điểm cụ thể (ví dụ sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc sử dụng lưới đồng).

Có thể thấy, Tiêu chuẩn trại nuôi ASC có nhiều phạm vi áp dụng, áp dụng theo toàn tiêu chí hoặc theo từng quy định cụ thể. Phạm vi cụ thể được xác định bên dưới tiêu đề của mỗi tiêu chí. Hơn nữa, tùy vào tình hình hiện tại của từng địa điểm, có thể có một số quy định "không

thể áp dụng được”. Điều này được đánh giá viên xem xét và ghi lại trong báo cáo đánh giá công khai.

12. Bản dự thảo của tiêu chuẩn được xây dựng như thế nào?

ASC đã tiến hành đánh giá toàn diện về các tiêu chuẩn hiện tại để sửa đổi các yêu cầu hiện có, xác định các bất cập và điều chỉnh nội dung. Việc này nhằm đưa ra một cách tiếp cận toàn diện, đảm bảo định nghĩa nhất quán và yêu cầu được áp dụng thống nhất trên tất cả loài nuôi và hệ thống nuôi trồng. Các tổ công tác kỹ thuật được thành lập theo các chủ đề nhất định để tư vấn thêm cho việc xây dựng các tiêu chí.

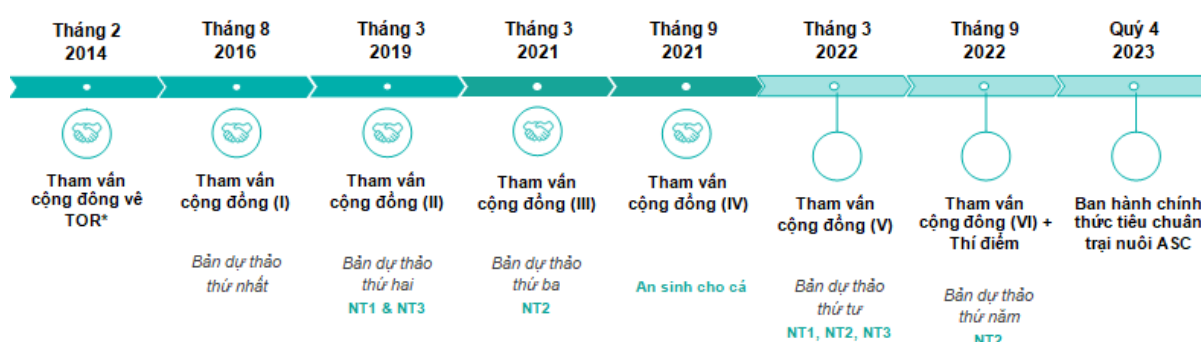
Cơ sở lý luận, mục đích và các quy định sửa đổi đã được Tổ cố vấn kỹ thuật (TAG) của ASC đánh giá và xác nhận trước vòng tham vấn cộng đồng. Tất cả tiêu chí, hướng dẫn, định nghĩa và các yêu cầu về loài cụ thể sẽ được hoàn thiện sau khi nhận được phản hồi từ vòng tham vấn cộng đồng.

Mục tiêu chính là xây dựng một tiêu chuẩn trại nuôi chung; nhằm thống nhất và áp dụng nhất quán các tiêu chí, yêu cầu về tất cả loài thủy sản nuôi hiện được cấp chứng nhận ASC. Vì lẽ đó, ASC sẽ mở rộng yêu cầu liên quan đến một số hệ thống nuôi trồng.

13. Tiêu chuẩn trại nuôi ASC được xây dựng theo tiến độ như thế nào?

Vòng tham vấn hiện tại sẽ kéo dài trong suốt tháng 3 và tháng 4 năm 2022. Sau đó, ASC sẽ tập hợp và xem xét ý kiến đóng góp của các bên liên quan, và đưa vào bản dự thảo của Tiêu chuẩn trại nuôi ASC. ASC sẽ đưa bản dự thảo mới này vào vòng tham vấn cộng đồng tiếp theo diễn ra vào tháng 9 năm 2022, đồng thời thực hiện thí điểm. Đây là giai đoạn cuối nhằm đánh giá khả năng áp dụng và tính khả thi của Tiêu chuẩn. Nếu tất cả ý kiến đóng góp đều đồng ý với tiêu chuẩn thì ASC sẽ tiến hành theo như kế hoạch – chính thức ban hành Tiêu chuẩn vào quý 4 năm 2023.

Quá trình hợp nhất – Tiêu chuẩn trại nuôi ASC



*ToR = Điều khoản tham chiếu

14. ASC sử dụng ý kiến đóng góp của các bên liên quan như thế nào?

Nhóm Khoa học và Tiêu chuẩn của ASC sẽ tiến hành xem xét tất cả ý kiến đóng góp. ASC sẽ sửa đổi tiêu chí và quy định nếu có bằng chứng đáng tin và vững chắc. ASC sẽ nghiên cứu thêm khi cần. Tổ cố vấn kỹ thuật của ASC, với sự hỗ trợ của Tổ công tác kỹ thuật có,

sẽ phê duyệt bản dự thảo sửa đổi cuối cùng trước khi bản dự thảo được đưa vào vòng tham vấn cộng đồng lần cuối diễn ra vào tháng 9 năm 2022.

ASC sẽ công bố tất cả ý kiến đóng góp từ vòng tham vấn cộng đồng này trên trang web ngay sau khi tổng hợp xong vào cuối vòng tham vấn. Bạn có thể xem ý kiến đóng góp của vòng tham vấn diễn ra vào tháng 3 – tháng 5 năm 2021 [tại đây](#).

15. Liệu ASC có đưa ra những yêu cầu mới không?

Trong một số trường hợp, câu trả lời là có. Với mục tiêu hợp nhất và áp dụng nhất quán các tiêu chuẩn hiện hành, ASC có thể đưa thêm một số yêu cầu mới cho một số loài nuôi và hệ thống nuôi trồng mà tiêu chuẩn loài nuôi riêng đang không đề cập đến. Hơn nữa, việc đánh giá tính hiệu quả của một số yêu cầu đã đưa đến một số thay đổi, các thay đổi này sẽ giúp ASC đẩy mạnh tính trách nhiệm của ngành nuôi trồng thủy sản đối với môi trường và xã hội.

16. Tiêu chuẩn trại nuôi ASC có còn xem xét từng loài nuôi và hệ thống nuôi trồng cụ thể không?

Có. ASC có đưa vào tiêu chuẩn trại nuôi một phụ lục, trong đó nêu chi tiết cách đánh giá hiệu suất theo từng loài và từng hệ thống nuôi trồng cụ thể.

17. Tiêu chuẩn trại nuôi ASC có đưa ra yêu cầu cho Hệ thống nuôi trồng tuần hoàn (RAS) không? Các yêu cầu đó được đề cập như thế nào?

Có, ASC có đưa ra yêu cầu về RAS. Tiêu chuẩn trại nuôi ASC sẽ nêu rõ yêu cầu nào được áp dụng riêng cho một số hệ thống nuôi trồng nhất định, ví dụ như RAS. Nếu không nêu rõ, thì nghĩa là yêu cầu đó được áp dụng chung cho tất cả hệ thống nuôi trồng.

18. Liệu có thể bổ sung loài nuôi mới vào Tiêu chuẩn trại nuôi trong tương lai không?

ASC có thể bổ sung loài nuôi mới vào chương trình nếu nhận thấy tiêu chuẩn cho loài nuôi đó là cần thiết và việc này có thể góp phần giảm thiểu tác động của ngành nuôi trồng thủy sản lên môi trường và xã hội. Điểm khác biệt so với trước đây là, quy trình bổ sung loài mới sẽ diễn ra hiệu quả hơn, mà không làm mất đi tính nghiêm ngặt đã tạo nên thương hiệu của ASC – điều đưa ASC trở thành chương trình chứng nhận nuôi trồng thủy sản hàng đầu trên thế giới. Trên trang web của ASC, tất cả các bên liên quan có thể yêu cầu bổ sung loài nuôi mới tại: [Yêu cầu bổ sung loài nuôi mới](#).

19. Trại nuôi của tôi đã được cấp chứng nhận ASC. Việc hợp nhất tiêu chuẩn có liên quan như thế nào đến hoạt động của trại nuôi?

Các trại nuôi đã được cấp chứng nhận ASC sẽ có thêm thời gian để làm quen với yêu cầu mới. ASC xác định giai đoạn chuyển tiếp này là một phần trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn chung. ASC cung cấp một công cụ ([xem tại đây](#)) giúp trại nuôi so sánh nội dung tiêu chuẩn hiện hành với nội dung của Tiêu chuẩn trại nuôi ASC. Công cụ này sẽ giúp các đơn vị nuôi trồng hiểu rõ hơn tác động của tiêu chuẩn chung lên hoạt động của mình.

20. Việc hợp nhất tiêu chuẩn có giúp việc đánh giá trở nên hiệu quả hơn không?

Nội dung thống nhất của Tiêu chuẩn trại nuôi ASC sẽ giúp đánh giá viên đánh giá các loài nuôi khác nuôi một cách dễ dàng hơn. Nội dung đánh giá vẫn được giữ nguyên theo loài và có thể cần được triển khai một khóa đào tạo cụ thể.

21. Chi phí cấp chứng nhận thì thay đổi như thế nào?

Chi phí cấp chứng nhận phụ thuộc vào nhiều yếu tố, một trong số đó là nội dung tiêu chuẩn. ASC sẽ tiến hành thí điểm rộng rãi vào năm 2022 để đánh giá tác động của Tiêu chuẩn trại nuôi ASC lên hoạt động của trại nuôi. Kết quả thí điểm sẽ được sử dụng để xây dựng bản dự thảo cuối cùng của Tiêu chuẩn trại nuôi.

22. Cơ quan CAB được đào tạo tiêu chuẩn mới như thế nào?

ASC đã đào tạo các đánh giá viên về các tiêu chuẩn hiện hành. Do vậy, ASC cũng sẽ đào tạo các đánh giá viên về Tiêu chuẩn trại nuôi ASC. Bởi vì đánh giá viên không còn cần nhiều buổi đào tạo để làm quen với từng tiêu chuẩn nữa, nên hiệu quả đào tạo sẽ được cải thiện đáng kể.

23. Tôi có thể tìm thêm thông tin ở đâu?

Nếu bạn muốn đọc thêm về Tiêu chuẩn trại nuôi ASC và quá trình xây dựng tiêu chuẩn, vui lòng [nhấn vào đây](#).

24. Tôi có thể tham gia và đóng góp ý kiến bằng cách nào?

ASC hoan nghênh và khuyến khích tất cả bên liên quan tham gia khảo sát hoặc hội thảo, vui lòng [nhấn vào đây](#) để tham gia khảo sát và [đây](#) để biết thêm thông tin về các phương thức tham gia khác.

25. Tiêu chuẩn trại nuôi ASC có đưa ra yêu cầu về an sinh động vật không?

Có, tiêu chuẩn được phát hành vào năm 2023 sẽ bao gồm các yêu cầu về an sinh động vật. Nhưng việc đưa các yêu cầu về an sinh động vật cần được tiến hành theo từng giai đoạn, trước hết sẽ là các yêu cầu liên quan đến cá có vây. Yêu cầu và cách tiếp cận sẽ được mô tả rõ hơn trong vòng tham vấn diễn ra vào tháng 9 năm 2022.

26. Tiêu chuẩn trại nuôi ASC bảo vệ an toàn cho con người đến mức độ nào?

ASC đưa ra một loạt các quy định để bảo vệ người lao động trong ngành nuôi trồng thủy sản. Cụ thể, tiêu chí 3.5 bao gồm 20 quy định về sức khỏe và an toàn; tiêu chí 3.2 và 3.3 về lao động cưỡng bức và lao động trẻ em, tiêu chí 3.9 về giờ làm việc, tất cả đều là tiêu chí bảo vệ sự an toàn của người lao động. Bên cạnh đó, quy định 1.1.3 yêu cầu đơn vị được cấp chứng nhận (UoC) tuân thủ tất cả luật và quy định hiện hành liên quan đến lao động và quy định 1.1.1 nhấn mạnh rằng UoC phải có đầy đủ giấy phép được yêu cầu. Hơn nữa, ASC còn đưa ra Khung quản lý rủi ro nhằm đánh giá rủi ro về sức khỏe và an toàn. ASC yêu cầu UoC xây dựng và triển khai Kế hoạch quản lý rủi ro để đảm bảo sự an toàn cho người lao động.

27. Khung quản lý rủi ro có thay thế hoàn toàn nhu cầu sử dụng chuyên gia tư vấn không?

Khung quản lý rủi ro được thiết kế theo hướng dễ truy cập và dễ sử dụng, có hướng dẫn đầy đủ, nhằm giúp trại nuôi giảm phụ thuộc vào các chuyên gia tư vấn. Tuy nhiên, nếu xảy ra các tình huống nhạy cảm hoặc phức tạp, hoặc trại nuôi hoạt động ở vùng có rủi ro trung bình hoặc cao, thì trại nuôi cần sự hỗ trợ từ chuyên gia tư vấn. Trại nuôi chỉ sử dụng chuyên gia tư vấn khi cần, và không thay [họ](#) hoàn tất toàn bộ Khung quản lý rủi ro.

28. Đối với tác động của biến đổi khí hậu, nhất là tác động gây sự cố xổng thoát, thì Khung quản lý rủi ro xem xét đến mức độ nào?

Khung quản lý rủi ro sẽ xem xét một loạt các yếu tố gây rủi ro và yếu tố làm gia tăng rủi ro, bao gồm tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt các sự kiện như mưa lớn hoặc bão dâng. Biến đổi khí hậu cũng được đề cập trong nhiều khía cạnh khác của Tiêu chuẩn trại nuôi ASC.

29. Các yêu cầu hiện hành về Quản lý theo vùng có phần hạn chế trong Tiêu chuẩn cá hồi. Liệu Tiêu chuẩn trại nuôi ASC có gặp tình huống tương tự hay không?

Quản lý theo vùng (ABM) hiện đã được mở rộng cho tất cả trại nuôi lồng bè, tập trung xem xét dịch bệnh và ký sinh trùng. Các yêu cầu cụ thể về cá hồi cũng được đề cập.

CÂU HỎI RIÊNG VỀ NGUYÊN TẮC 2

2.2 MÔI TRƯỜNG SỐNG QUAN TRỌNG VỀ MẶT SINH THÁI (BAO GỒM RỪNG NGẬP MẶN):

30. Loài X có được đề cập trong Tiêu chí 2.2 không?

Tất cả quy định về môi trường sống quan trọng về mặt sinh thái đều được áp dụng cho tất cả loài nuôi. Tiêu chí này đề cập đến các tác động chính của việc bố trí trại nuôi trong các khu vực tự nhiên quan trọng (khu bảo tồn, khu vực có giá trị bảo tồn cao) và do đó có liên quan đến việc bố trí các hoạt động nuôi trồng thủy sản.

2.3 TƯƠNG TÁC VỚI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ:

31. Tại sao ASC lại thay yêu cầu về ngưỡng tử vong thành yêu cầu báo cáo và đưa ra biện pháp khắc phục?

Việc áp dụng một ngưỡng tử vong toàn cầu dẫn đến việc bỏ qua tình hình thực tế của quần thể động vật tại từng khu vực cụ thể, do đó khiến chúng bị ảnh hưởng bởi chính các ngưỡng này. Do sự khác biệt giữa các hệ thống nuôi trồng và khu vực, ASC đã xem xét lại mục đích mà tất cả tiêu chuẩn hiện hành sử dụng làm cơ sở khi xây dựng các yêu cầu này. Sau khi xem xét, ASC đề xuất loại bỏ ngưỡng tử vong của động vật săn mồi, thay vào đó, yêu cầu không được phép giết các loài bị đe dọa/cần được bảo vệ, không được cố ý giết hại các loài khác, trừ khi đã thực hiện tất cả biện pháp khác.

Nội dung chính của lần sửa đổi này là Khung quản lý rủi ro mới, nhằm cung cấp cho trại nuôi một quy trình có cấu trúc chặt chẽ, qua đó xác định và đánh giá rủi ro khi tương tác với động vật hoang dã. Việc củng cố các yêu cầu về báo cáo thông tin sẽ giúp ASC nắm bắt được tỷ lệ tử vong của động vật hoang dã sống tại trại nuôi được cấp chứng nhận ASC. ASC sẽ sử dụng các thông tin này để sửa đổi chương trình trong tương lai và tăng cường hiểu biết về cách tương tác với động vật hoang dã. Các thay đổi này phải nhất quán với mục đích của các tiêu chuẩn hiện hành, đó là giảm thiểu số lượng động vật tử vong.

2.4 LOÀI NGOẠI LAI:

32. RAS khép kín hoàn toàn có thể đảm bảo loài nuôi không xổng thoát đến mức độ nào?

Không một hệ thống nào có thể đảm bảo không có loài nuôi xổng thoát; tuy nhiên, xác suất xổng thoát trong RAS khép kín hoàn toàn ít hơn so với nuôi lồng bè hoặc nuôi trong ao. Bởi vì RAS khép kín hoàn toàn giới hạn mức độ tương tác với môi trường tự nhiên ở mức thấp nhất, do đó được ASC đánh giá là hệ thống tốt nhất đáp ứng được quy định này.

33. Động cơ nào khiến ASC xem xét việc cho phép động vật biến đổi gen?

Trong vòng tham vấn cộng đồng diễn ra vào tháng 3 năm 2021, ASC đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp từ các bên liên quan về quy định cho phép nuôi trồng động vật biến đổi gen trong một số điều kiện cụ thể (đảm bảo không có sự cố xổng thoát). Các bên liên quan đã

thể hiện ý kiến rất rõ ràng rằng: vì tác động của động vật biến đổi gen lên sức khỏe con người và môi trường vẫn chưa được xác định rõ ràng, và tồn tại nhiều lo ngại liên quan đến việc dán nhãn sản phẩm, nên ASC cần thực hiện quy định một cách thận trọng. ASC nhận thấy việc nuôi trồng động vật biến đổi gen mang đến một số lợi ích nhất định như sử dụng tài nguyên hiệu quả và giảm dấu chân carbon, nhưng ASC vẫn sẽ giữ nguyên tinh thần của các tiêu chuẩn hiện hành, đó là nghiêm cấm nuôi trồng động vật biến đổi gen.

2.5 XÔNG THOÁT:

34. Liệu tất cả trại nuôi (bất kể nuôi loài nào) có phải đáp ứng yêu cầu đếm chính xác số lượng cá đến 98% hay không?

Yêu cầu này sẽ được áp dụng đối với tất cả loài cá có vây nuôi trong lồng bè, và phù hợp với các yêu cầu hiện tại dành cho loài nuôi như cá hồi, cá chêm và cá có vây nhiệt đới.

2.6 TÁC ĐỘNG ĐẾN VÙNG ĐÁY:

35. Có phải tiêu chí liên quan đến vùng đáy chỉ được áp dụng cho các đơn vị nuôi lồng bè?

Tiêu chí 'Tác động đến vùng đáy' sẽ được áp dụng cho tất cả cách hệ thống nuôi trồng và loài nuôi. Hiện Tổ công tác kỹ thuật (TWG) ủng hộ các quy định và yêu cầu sửa đổi của ASC về hệ thống nuôi trồng nước mặn (nuôi lồng bè trên biển và nuôi treo loài thân mềm trên biển). ASC đề xuất giữ nguyên các yêu cầu hiện tại đối với hệ thống xả thải vào sông (tức là khảo sát động vật không xương sống cỡ lớn ở thủy vực nhận nước thải tại hạ nguồn và thượng nguồn của điểm xả thải). Đối với các hệ thống xả thải vào hồ và hồ chứa, TWG đã tìm ra một số yếu tố cốt lõi trong phương pháp tiếp cận được đề xuất, nhưng việc nghiên cứu vẫn đang được tiến hành,

36. Phương pháp tiếp cận theo bậc hoạt động như thế nào?

Theo phương pháp sửa đổi được đề xuất trong dự thảo này, trại nuôi sẽ tiến hành nghiên cứu hệ sinh thái vùng đáy toàn diện hơn nếu kết quả ban đầu ở Bậc 1 hoặc Bậc 2 không đáp ứng các giới hạn đã thiết lập. Một trại nuôi đáp ứng các giới hạn ở Bậc 1 hoặc Bậc 2 không cần phải tiến hành phân tích bổ sung ở Bậc 3. Do đó, các trại nuôi được quản lý tốt sẽ hưởng lợi từ tiết kiệm chi phí trong việc giám sát hệ sinh thái vùng đáy.

37. Phương pháp tiếp cận theo bậc có loại bỏ hoàn toàn nhu cầu thiết lập mô hình cho Vùng tác động cho phép (AZE) không?

Có hai lý do dẫn đến việc các yêu cầu đề xuất đã loại bỏ sự cần thiết của mô hình chất lắng – mô hình được dùng để giám sát địa điểm dựa trên dự báo của Vùng tác động cho phép (AZE). Đầu tiên, giám sát là cách tiếp cận thường dùng khi các dự báo tác động thường không chắc chắn. Thứ hai, ban đầu ngưỡng lắng chất thải hữu cơ được xác lập để nhận diện một tác động bất lợi đáng kể, nhưng nay ngưỡng có tính biến động cao và khác nhau theo từng điểm nuôi, do mỗi điểm tiếp nhận chất thải qua các chu trình vật lý, hóa học và sinh học rất khác nhau. Nếu dự báo AZE chỉ dựa vào mỗi mô hình lắng hạt vật lý thì không thể đảm bảo tính chính xác.

Cần lưu ý rằng, trong các yêu cầu được sửa đổi, phạm vi lấy mẫu không hạn chế sử dụng các mô hình chất lắng để xác định vị trí lấy mẫu, miễn là dự báo AZE không nằm ngoài ranh giới 30 m của trại nuôi. Nếu mở rộng hơn nữa ranh giới trại nuôi, thì sẽ trái với định nghĩa quy mô không gian tác động trong các yêu cầu được sửa đổi.

2.8 XÂM NHẬP MẶN:

38. Tắm bảo vệ bề mặt đáy không thấm nước chỉ hoạt động hiệu quả khi che phủ 100% đất. Liệu đánh giá viên có xác minh việc trại nuôi sử dụng tắm lót ao tại các khu vực dễ bị nhiễm mặn không? Làm sao để xác minh khi trại nuôi được đánh giá vào thời điểm hoạt động hết công suất, tất cả trại được nuôi trồng và ao thì đầy nước?

Đánh giá viên sẽ xác minh để đảm bảo trại nuôi có sử dụng tắm lót ao ở tất cả ao nuôi được yêu cầu. Đánh giá viên có thể xác minh bằng cách xem hóa đơn mua tắm lót ao, hồ sơ triển khai, camera dưới nước, hình ảnh, hồ sơ bảo trì, v.v. Đánh giá viên không nhất thiết chỉ xác minh được khi ao trống.

2.9 BÙN THẢI (CHẤT RẮN SINH HỌC):

39. Phạm vi của tiêu chí nào có áp dụng cho tất cả loài nuôi hay không, kể cả thân mềm hai mảnh vỏ?

Phạm vi của tiêu chí là “tất cả hệ thống nuôi trên đất liền, và các hệ thống thu giữ hoặc thu hồi chất rắn sinh học khác”. Tiêu chí không đặt ra yêu cầu theo loài nuôi.

2.10 SỬ DỤNG NƯỚC NGỌT:

40. Tiêu chuẩn trại nuôi có cho phép cơ sở RAS sử dụng nước uống không?

Nước uống có thể được sử dụng trong cho nuôi trồng nếu nước được sử dụng phù hợp với giấy phép và tuân thủ các thông số về sử dụng nước có trách nhiệm (ví dụ dòng chảy quan trọng tối thiểu).

41. Một số chỉ số đã được loại bỏ khỏi quy định này, điều này có làm tiêu chuẩn kém hiệu quả không?

Không, các quy định hiện hành tập trung vào việc sử dụng nước có trách nhiệm theo tình hình địa phương. Việc thiết lập một chỉ số chung cho tất cả khu vực dẫn đến việc bỏ qua khả năng cung cấp nước của hệ sinh thái, do đó chỉ số đo lường không phải lúc nào cũng đáp ứng được mục đích mà quy định đề ra.

42. Việc không cho phép sử dụng nước ngọt để giảm độ mặn dựa trên cơ sở lý luận nào, ngay cả khi việc sử dụng này được giám sát hợp lý và không gây tác động tiêu cực đến các đơn vị khác cũng dùng chung nguồn nước?

Việc thêm muối vào nước ngọt được xem là “làm giảm giá trị” của một nguồn tài nguyên quý giá. Bên cạnh đó, việc bơm nước ngọt từ giếng vào hệ thống nuôi trồng nước mặn có thể dẫn đến việc nước mặn bị thấm ngược trở lại giếng và gây thiệt hại không thể khắc phục được cho tài nguyên nước.

43. Ở những vùng mà có nhiều đơn vị sử dụng cùng một nguồn nước, trại nuôi xác định mức độ tác động của mình như thế nào?

Trại nuôi không thể đánh giá tác động nếu không có các phân tích cụ thể về tất cả đơn vị cùng sử dụng nguồn nước. Thay vào đó, trại nuôi có thể tìm hiểu cách mà các đơn vị khác đang sử dụng nguồn nước chung, qua đó hiểu hơn về tình hình hoạt động của họ. Mặt khác, trại nuôi cần giám sát tình trạng sử dụng nước của trại hàng năm. Tất cả thông tin này sẽ giúp trại nuôi tự đánh giá tác động, đồng thời việc giám sát tổng lượng nước sử dụng sẽ giúp trại nuôi xây dựng một đường cơ sở và đo lường mức độ cải thiện của trại nuôi.

2.11 SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG VÀ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

44. Liệu có hướng dẫn giúp trại nuôi xác định điểm bắt đầu và điểm kết thúc trong chuỗi cung ứng để ước tính lượng phát thải khí nhà kính (KNK) không?

Có, ASC đang trong quá trình xây dựng hướng dẫn và dự kiến ra mắt hướng dẫn cùng lúc với tiêu chuẩn chính thức. Dựa trên kết quả đánh giá vòng đời, chúng tôi nhận thấy có một số yếu tố đầu vào/thông số là nguyên nhân làm gia tăng phát thải KNK của hầu hết hệ thống nuôi trồng thủy sản, nên chúng tôi sẽ tập trung xem xét các yếu tố đầu vào đó. Phụ lục 2 của Tiêu chuẩn trại nuôi ASC về Ghi chép và nộp dữ liệu sẽ cố gắng đảm bảo dữ liệu do trại nuôi gửi về được trình bày nhất quán, có thể so sánh được và minh bạch. Nếu chúng tôi cung cấp một hướng dẫn chung về phạm vi đánh giá, giả định và nguồn dữ liệu, thì cách tiếp cận vấn đề phát thải sẽ nhất quán hơn, thay vì để mỗi trại nuôi tự xây dựng phương pháp tính toán riêng. Ví dụ, chia năng lượng trên trại nuôi cho các loài nuôi khác nhau hoặc các đợt thả cá khác nhau, hoặc ước tính nhiên liệu mà các tàu được thuê sử dụng – các tàu này có thể làm việc cho nhiều hơn một trại nuôi.

Trong hầu hết trường hợp, tác động của hoạt động nuôi giống lên tổng lượng phát thải KNK là không đáng kể, nhưng nếu con non đạt kích thước lớn trước khi sang giai đoạn nuôi thương phẩm hoặc được chuyển đến điểm nuôi trung gian, thì chúng tôi sẽ cung cấp hướng dẫn cách tính lượng phát thải tại những nơi đó.

45. Các tính toán về KNK có xem xét tới phạm vi ngoài trại nuôi không, ví dụ như điểm thu hoạch, nhà máy chế biến, điểm giao nhận, v.v.?

Các yêu cầu trong quy định chỉ áp dụng đến thời điểm thu hoạch, không bao gồm các hoạt động sau đó. Chúng tôi có thể nghiên cứu, trao đổi và tính toán các hoạt động này, nhưng đây vẫn nằm ngoài phạm vi của quy định và không nằm trong dữ liệu cần được báo cáo. Theo tài liệu đánh giá vòng đời, quá trình chế biến, đóng gói và phân phối thường đóng góp rất ít vào tổng lượng phát thải carbon, trừ một ngoại lệ đáng chú ý là khi hàng hóa được vận chuyển bằng đường hàng không. Việc thực phẩm bị thất thoát khi di chuyển trong chuỗi cung ứng và khi đến tận điểm bán hàng cũng góp phần làm tăng lượng phát thải KNK. Khi so sánh nuôi trồng thủy sản với các hệ thống sản xuất thực phẩm khác, hoặc khi so sánh

các loài nuôi với nhau, chúng tôi đều tính đến một số yếu tố ngoài phạm vi của trại nuôi, đặc biệt sản lượng thịt và/hoặc protein từ cá, mặc dù các yếu tố này có thể rất khác nhau nhưng nhìn chung vẫn ước tính được theo từng loài nuôi.

46. Chủ đề Carbon xanh, chẳng hạn Nuôi trồng thủy sản đa dinh dưỡng tích hợp (IMTA) và nuôi trồng rong biển, có được xem xét khi tính lượng phát thải KNK hay không?

Không. Mặc dù chủ đề này nhận được rất nhiều sự quan tâm, nhưng vẫn cần thêm nhiều nghiên cứu và sự tham gia của giới học thuật. Việc giảm thiểu lượng carbon thường không được đưa vào khung tính KNK, mà được công bố riêng.

47. Hệ thống nuôi trồng nào sử dụng nhiều và ít năng lượng nhất?

Chỉ số đo được của mỗi trại nuôi có sự khác nhau rất lớn, do vậy quan trọng là trại nuôi phải được đánh giá dựa trên kết quả của riêng mỗi trại. Bên cạnh đó, xét về lượng phát thải KNK, thì tác động thực tế của việc tiêu thụ năng lượng tùy vào nguồn năng lượng, đó là năng lượng tái tạo hay năng lượng hóa thạch. Nhưng theo quan sát chung, hệ thống nuôi trồng thủy sản sử dụng nhiều năng lượng nhất thường là hệ thống nuôi trên đất liền, đặc biệt là RAS và một số hệ thống ao nuôi. Cũng có một số hệ thống mà chúng tôi thấy đóng góp đáng kể vào dấu chân carbon, nếu các hệ thống này nỗ lực giảm thiểu lượng năng lượng sử dụng, thì sẽ đóng góp rất lớn vào việc giảm phát thải KNK.

Mặt khác, các hệ thống sử dụng ít năng lượng nhất thường là hệ thống lồng bè trên biển hay trên hồ, và nuôi trồng thân mềm hai mảnh vỏ và rong biển ven biển: vì thường môi trường tự nhiên có thể tự điều chỉnh nhiệt độ và mức oxy, nên trại nuôi không cần tốn năng lượng để thực hiện việc này. Đối với hệ thống ít sử dụng năng lượng, năng lượng ít có khả năng là nguyên nhân phát thải KNK, do đó ngay cả khi các hệ thống này nỗ lực giảm thiểu lượng năng lượng sử dụng, thì đóng góp vào việc giảm phát thải KNK cũng không nhiều.

48. Nuôi trồng thủy sản góp bao nhiêu vào lượng phát thải KNK toàn cầu?

Hệ thống sản xuất thực phẩm nói chung chiếm từ 1/4 đến 1/3 lượng phát thải KNK do hoạt động của con người gây ra trên toàn cầu. Hoạt động chăn nuôi động vật nhai lại (ví dụ như bò) và phá rừng để lấy đất sản xuất thức ăn chăn nuôi là phát thải phần lớn. Nuôi trồng thủy sản đóng góp tương đối ít vào tác động tổng thể đó, mặc dù có sự chênh lệch lớn về lượng phát thải giữa các hệ thống nuôi trồng và loài nuôi.

Mặc dù chỉ chiếm một phần nhỏ lượng phát thải toàn cầu, nhưng nuôi trồng thủy sản vẫn có thể đóng góp vào nỗ lực giảm thiểu biến đổi khí hậu. Ngoài việc giảm tác động của ngành lên môi trường, ngành còn phục dựng và bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên, cung cấp sản phẩm có lượng phát thải KNK thấp để thay thế cho các sản phẩm thịt có lượng phát thải KNK cao (thịt bò và thịt cừu).

49. So với sản phẩm từ các loài động vật khác, sản phẩm nuôi trồng thủy sản khác biệt như thế nào?

Mặc dù sử dụng phương pháp luận khác nhau, nhưng các tài liệu đánh giá vòng đời cũng đưa ra một số kết luận chung. Protein động vật có lượng phát thải KNK cao nhất thường có nguồn gốc từ động vật nhai lại như bò và cừu, là kết quả của quá trình lên men trong ruột (“ợ hơi của bò”) và sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Hệ thống nuôi trồng cá hồi bằng đăng quầng dạng lưới đã được chứng minh là có lượng phát thải KNK tương tự với mô hình nuôi gà và nghề đánh bắt ngoài tự nhiên. So với các hệ thống khác, hệ thống nuôi trồng thân mềm hai mảnh vỏ có lượng phát thải KNK rất thấp, nhưng cơ sở so sánh ở đây là rất quan trọng (ví dụ, trọng lượng vật nuôi so với mỗi gam protein).

Mặc dù tác động của các hệ thống nuôi trồng thủy sản lên lượng phát thải KNK là rất khác nhau, nhưng nhìn chung hệ thống vẫn tạo ra thành phẩm với lượng phát thải KNK thấp hơn nhiều so với hệ thống chăn nuôi động vật trên đất liền.

50. Tác động của sản phẩm được cấp chứng nhận ASC lên lượng phát thải KNK có ít hơn các sản phẩm nuôi trồng thủy sản khác không?

Trong một số trường hợp, câu trả lời là có. ASC hạn chế việc bố trí trại nuôi trong rừng ngập mặn bị chặt phá, cũng như cấm sử dụng thức ăn chăn nuôi được sản xuất tại các khu vực bị chặt phá rừng – vì tác động của các khu vực này lên biến đổi khí hậu là rất rõ ràng. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất góp phần đáng kể vào tác động của một số hệ thống nuôi trồng thủy sản. Do vậy, so với các sản phẩm không được cấp chứng nhận, sản phẩm được cấp chứng nhận ASC có một điểm khác biệt là tránh sử dụng các yếu tố có nguy cơ làm tăng lượng phát thải KNK.

Nhưng nếu xét về các nguồn cung thức ăn chăn nuôi khác và nguồn cung năng lượng, thì không có bằng chứng thuyết phục nào cho thấy sản phẩm được cấp chứng nhận ASC sẽ tác động ít hơn đến lượng phát thải KNK. Đây chính là lý do tại sao chúng ta cần thu thập dữ liệu về lượng phát thải ước tính của trại nuôi được cấp chứng nhận, và thu thập một cách có hệ thống và trong thời gian dài. Chỉ có như thế, chúng ta mới có đủ thông tin để xác định và tìm ra các giải pháp cải thiện, qua đó cho thấy chứng nhận có tác động tốt đến khí hậu.

2.13 THỨC ĂN CHĂN NUÔI

51. Tiêu chuẩn trại nuôi ASC có bao gồm yêu cầu về thức ăn chăn nuôi không? Các yêu cầu đó có tương tự như trong tiêu chuẩn ASC hiện hành không?

Các giá trị cụ thể cho các chỉ số như Tỷ lệ phụ thuộc vào thức ăn gốc cá (Forage Fish Dependency Ratio) sẽ được chuyển vào phụ lục riêng. Tất cả nội dung liên quan đến nguồn cung nguyên liệu cho thức ăn chăn nuôi hiện đã được chuyển sang Tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi ASC. Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi sẽ được đề cập trong Tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi ASC; còn việc sử dụng thức ăn chăn nuôi sẽ được đề cập trong Tiêu chuẩn trại nuôi ASC.

52. Liệu từ ngữ được sử dụng trong quy định và yêu cầu có nhất quán với Tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi ASC không?

Chúng tôi đã nghiên cứu về vấn đề này, thậm chí tìm kiếm giải pháp để cải thiện quy định và đảm bảo quy định nhất quán với các yêu cầu của Sáng kiến Chuỗi cung ứng Bền vững (Sustainable Supply Chain Initiative, SSCI). Chúng tôi sẽ cập nhật Tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi nhằm đảm bảo thống nhất hoàn toàn từ ngữ, nhưng hiện tại, các từ ngữ đã nhất quán nhất có thể. Việc xây dựng quy định cho phù hợp với yêu cầu của SSCI có thể dẫn đến một số khác biệt nhỏ giữa từ ngữ được sử dụng trong Tiêu chuẩn trại nuôi ASC và từ ngữ trong Tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi ASC, nhưng các tiêu chuẩn này sẽ sớm được thống nhất.

2.15 KIỂM SOÁT KÝ SINH TRÙNG (BAO GỒM RẬN BIỂN)

53. Chỉ số Số lần điều trị bằng thuốc (WNMT) có còn được áp dụng?

Các yêu cầu về Số lần điều trị bằng thuốc (WNMT) vẫn được áp dụng và được đề cập trong Tiêu chí 2.15.

54. Yêu cầu về rận biển được sửa đổi như thế nào? Liệu có phải các yêu cầu đó chỉ được xây dựng dựa trên các quy định quốc gia?

Không, các yêu cầu được sửa đổi không dựa trên các quy định quốc gia để thiết lập ngưỡng rận biển. Ở các yêu cầu được sửa đổi, ASC đặt ra ngưỡng rận biển theo khu vực, và bắt đầu bằng việc áp dụng ngưỡng rận biển thấp nhất trong số các ngưỡng được thiết lập cho các khu vực khác nhau – ngưỡng đó được gọi là Ngưỡng rận biển ASC (ngưỡng do cơ quan chức năng thiết lập hoặc theo một quy tắc thực hành của ngành nuôi trồng thủy sản, tùy theo giá trị nào thấp hơn).

ASC sẵn sàng tiếp nhận các ý kiến cho rằng cần phải thay đổi ngưỡng rận biển và luôn theo dõi các quy định quản lý mới. Hàng năm, ASC sẽ xem xét các ngưỡng theo quy định ở các khu vực và cập nhật các ngưỡng rận biển cho phù hợp.

Bên cạnh đó, Tổ kỹ thuật (TG) hỗ trợ ASC trong lần sửa đổi này đã xem xét dữ liệu và nhận thấy 94,3% trại nuôi Na Uy hoàn toàn nằm dưới ngưỡng rận biển của quốc gia trong thời kỳ nhạy cảm – ngưỡng được thiết lập vào năm 2020 (tức là, ngày vượt ngưỡng bằng không), với ít hơn 1% số trại nuôi vượt ngưỡng hơn 2 tuần. TG thiếu dữ liệu tương tự được tổng hợp từ các khu vực khác.

55. Yêu cầu về rận biển có sử dụng ngưỡng quan ngại không?

Yêu cầu được sửa đổi không xác định ngưỡng quan ngại mà là ngưỡng tuyệt đối: **mức độ nhiễm rận biển của trại nuôi không được bằng hoặc vượt qua ngưỡng này**. Hơn nữa, một trại nuôi được xem là không tuân thủ nếu không duy trì mức độ nhiễm rận biển dưới ngưỡng tuyệt đối – tức là Ngưỡng rận biển ASC. Cách tiếp cận này có khả năng bảo vệ các quần thể cá hồi tự nhiên tốt hơn so với cách tiếp cận thiết lập ngưỡng quan ngại mà một số cơ quan chức năng đang thực hiện – cách tiếp cận sau chỉ yêu cầu trại nuôi thực hiện một số biện pháp quản lý nếu bằng hoặc vượt qua ngưỡng quan ngại.

2.16 THUỐC KHÁNG SINH VÀ CÁC THUỐC THÚ Y KHÁC

56. Quy tắc sử dụng thuốc kháng sinh có tương tự đối với tất cả loài nuôi trong ASC không?

Thuốc kháng sinh không được sử dụng trên tôm có dán nhãn ASC. Thuốc kháng sinh có thể được sử dụng trên tất cả loài nuôi khác trong ASC, đi kèm với một số hạn chế quan trọng như cấm sử dụng cho mục đích phòng ngừa bệnh.

57. Trại nuôi được cấp chứng nhận ASC có được sử dụng thuốc kháng sinh mà Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) liệt kê không?

Thuốc kháng sinh trong danh sách 'Thuốc kháng sinh quan trọng dùng để điều trị bệnh cho người của WHO' (CIA) chỉ có thể được sử dụng trong các trường hợp ngoại lệ. Nếu thuốc kháng sinh được sử dụng trên sản phẩm, thì sản phẩm đó không còn đủ điều kiện để dán nhãn ASC.

58. Có thể bán thủy sản dán nhãn ASC nếu 'thuốc kháng sinh quan trọng' được dùng trong quá trình nuôi trồng hay không?

Câu trả lời là không. Các kháng sinh này chỉ có thể được sử dụng trong các trường hợp ngoại lệ. Nếu thuốc kháng sinh được sử dụng trên sản phẩm, thì sản phẩm đó không còn đủ điều kiện để dán nhãn ASC.

59. Tại sao 'thuốc kháng sinh quan trọng' lại được phép sử dụng? Việc này có làm tăng nguy cơ kháng thuốc kháng sinh không?

Cần lưu ý là 'thuốc kháng sinh quan trọng' chỉ có thể được sử dụng trong các trường hợp ngoại lệ. Nếu thuốc kháng sinh được sử dụng trên sản phẩm, thì sản phẩm đó không còn đủ điều kiện để dán nhãn ASC.

Đặc trưng của vi khuẩn là luôn có khả năng kháng thuốc. Để giảm thiểu rủi ro này, chúng ta phải:

- a) Điều trị bệnh hiệu quả. Nghĩa là, sử dụng thuốc kháng sinh công hiệu nhất, phù hợp với từng điều kiện cụ thể, và có thể sử dụng 'thuốc kháng sinh quan trọng' trong các trường hợp ngoại lệ.
- b) Không sử dụng thuốc kháng sinh mà không có lý do. Nghĩa là, không sử dụng thuốc kháng sinh để phòng ngừa bệnh.

60. ASC có còn quy định lượng kháng sinh điều trị tối đa hay không?

Có, yêu cầu này được đề cập trong Tiêu chí 2.16. Ngoài ra, các trại nuôi sẽ được yêu cầu giảm sử dụng thuốc kháng sinh.

61. Liệu các thay đổi trong yêu cầu sử dụng thuốc kháng sinh có làm tăng khả năng dung nạp kháng sinh hay không?

Tất cả thay đổi đều dựa trên bằng chứng mới nhất và các yêu cầu về sử dụng thuốc kháng sinh hầu hết đều phù hợp với tiêu chuẩn ASC hiện tại, đi kèm với các yêu cầu bổ sung trong một số trường hợp, chẳng hạn như yêu cầu giảm dần lượng kháng sinh sử dụng.

62. Các yêu cầu về thuốc kháng sinh giải quyết đóng góp ra sao vào mục tiêu của ASC là giảm thiểu tác động đến môi trường?

Mục tiêu hàng đầu của ASC là bảo vệ sức khỏe con người và động vật, đó là lý do tại sao thuốc kháng sinh chỉ có thể được sử dụng khi cần. Một mục tiêu khác là giảm lượng kháng sinh, hoặc dư lượng kháng sinh, trong môi trường. Vì lý do đó, nước dùng trong điều trị bệnh nên được lưu giữ cho đến khi thuốc được trung hòa.

2.17 TRẠI GIỐNG VÀ ĐIỂM NUÔI TRUNG GIAN

63. Để tuân thủ tiêu chuẩn, nhà cung cấp con giống sẽ phải cam kết đáng kể về mặt thời gian lẫn tài chính, ASC làm thế nào để đảm bảo họ tuân thủ?

ASC sẽ không hoàn thành được sứ mệnh nếu để các đơn vị ở thượng nguồn chuỗi cung ứng của các cơ sở được cấp chứng nhận ASC gây ra tác động lên môi trường hoặc xã hội. Cũng như việc ASC yêu cầu Chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm ở hạ nguồn, ASC cũng cần phải xem xét các tác động ở thượng nguồn.

Tuy nhiên, chúng tôi hiểu rằng việc điều chỉnh hoạt động để đáp ứng các yêu cầu này cần nhiều thời gian. Dựa trên các mốc thời gian thực tế, khung thời gian có hiệu lực sẽ được tính toán sao cho các đơn vị này có thời gian làm quen với các yêu cầu. Ngoài ra, tùy vào hình thức nuôi trồng, có rất nhiều yếu tố của tiêu chuẩn không được áp dụng cho trại giống hoặc nhà cung cấp giống. ASC sẽ đưa ra thêm ngoại lệ đối với các đơn vị nuôi trồng có quy mô nhỏ (cần một định nghĩa về thế nào là quy mô nhỏ).

PHỤ LỤC 3: KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO

64. Khung quản lý rủi ro là gì?

ASC đang phát triển một công cụ để hỗ trợ các đơn vị nuôi trồng nhận diện và giảm thiểu các rủi ro đến xã hội và môi trường do hoạt động kinh doanh gây ra. Công cụ này giúp trại nuôi nhận thức rõ hơn về các rủi ro tại trại nuôi mà không làm giảm tính nghiêm ngặt của Tiêu chuẩn ASC.

ASC đã làm việc với nhiều trại nuôi và doanh nghiệp hoạt động dưới nhiều quy mô khác nhau và trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Chúng tôi nhận thấy rằng, tiêu chuẩn và hệ thống công nhận phải được xây dựng linh hoạt để phù hợp với sự khác biệt giữa các trại nuôi. Bằng cách đánh giá các rủi ro đến từ hoạt động nuôi trồng dựa trên các tiêu chí về xã hội và môi trường, trại nuôi có thể lên kế hoạch tốt hơn, qua đó giảm thiểu rủi ro và giám sát các biện pháp giảm thiểu rủi ro để có thể đáp ứng các yêu cầu của ASC.

Các câu hỏi và câu trả lời sau đây cung cấp một cái nhìn tổng quan về cách tiếp cận và sử dụng Khung quản lý rủi ro.

65. Quản lý rủi ro là gì?

Nhìn chung, quản lý rủi ro là một quá trình mà rủi ro trong các vùng quan trọng được xác định thông qua đánh giá, để từ đó đưa ra chiến lược giảm thiểu rủi ro có hiệu quả. Với định nghĩa trên, Khung quản lý rủi ro sẽ hướng dẫn trại nuôi xác định rủi ro đến môi trường và những người sinh sống và làm việc tại hoặc xung quanh trại nuôi, để đáp ứng với các tiêu chí về môi trường và xã hội của ASC. Quá trình này sẽ giúp các trại nuôi mức rủi ro (thấp, trung bình hoặc cao), qua đó đề ra các biện pháp cần thực hiện để giảm thiểu rủi ro.

66. Tại sao ASC lại đưa quản lý rủi ro vào Tiêu chuẩn trại nuôi?

Cách tiếp cận này nhằm đáp ứng nhu cầu của một hoạt động cụ thể thông qua đánh giá và quản lý rủi ro. Khung quản lý rủi ro chú trọng việc xác định và giảm thiểu rủi ro hơn là chỉ phản ứng khi vấn đề đã xảy ra.

Khung quản lý rủi ro cho phép trại nuôi quản lý rủi ro một cách linh hoạt mà không làm giảm tính nghiêm ngặt của Tiêu chuẩn ASC. Việc đánh giá rủi ro được tiến hành cho từng hoạt động, nhưng để xác minh thì cần bằng chứng rõ ràng và vững chắc. Khung quản lý rủi ro giúp trại nuôi hiểu hơn về tác động của trại trong việc gia tăng rủi ro đến xã hội và môi trường, đồng thời cung cấp thông tin để trại nuôi có cơ sở ra quyết định đúng đắn hơn.

67. Nội dung nào của Tiêu chuẩn trại nuôi sẽ áp dụng Khung quản lý rủi ro?

Các quy định đánh giá, lập kế hoạch và thực hiện của RMF được tổng hợp dựa trên bốn tiêu chí xã hội và sáu tiêu chí môi trường.

- Tiêu chí 2.2 – Môi trường sống quan trọng về mặt sinh thái
- Tiêu chí 2.3 – Tương tác với động vật hoang dã
- Tiêu chí 2.4 – Loài ngoại lai
- Tiêu chí 2.5 – Xổng thoát
- Tiêu chí 2.8 – Xâm nhập mặn
- Tiêu chí 2.10 – Sử dụng nước ngọt
- Tiêu chí 3.2 – Lao động cưỡng bức, lao động trừ nợ, lao động bắt buộc và buôn bán người.
- Tiêu chí 3.3 – Lao động trẻ em
- Tiêu chí 3.5 – Sức khỏe và an toàn
- Tiêu chí 3.13 – Tương tác với cộng đồng

Khung quản lý rủi ro sẽ được áp dụng nhất quán trong tất cả tiêu chí trên, qua đó giúp trại nuôi quản lý rủi ro một cách linh hoạt và minh bạch tùy vào tình hình cụ thể của từng trại nuôi. Kết quả đánh giá rủi ro nên cho biết vùng rủi ro cần được chú ý thêm, và vùng rủi ro có mức độ rủi ro thấp.

68. Khung quản lý rủi ro hoạt động như thế nào?

Khung quản lý rủi ro được thiết kế nhằm cung cấp cho trại nuôi một quy trình có cấu trúc chặt chẽ, qua đó xác định và đánh giá rủi ro nhằm đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn trại nuôi ASC.

Trại nuôi sẽ sử dụng công cụ để xác định rủi ro dựa trên các yếu tố gây rủi ro được xác định từ trước – đây là các yếu tố có liên quan đến hoạt động và vị trí của trại nuôi,. Bên cạnh đó, trại nuôi còn sử dụng công cụ này để cung cấp bằng chứng thông qua đánh giá. Khung quản lý rủi ro sẽ đánh giá thông tin và cho biết mức độ rủi ro của từng yếu tố gây rủi ro. Dựa trên mức độ rủi ro mà công cụ cung cấp, trại nuôi sẽ xây dựng các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro có mức độ trung bình và cao, xác định các chỉ số và xây dựng kế hoạch giám sát tính hiệu quả của biện pháp.

Cách tiếp cận này giúp quá trình đánh giá được thực hiện hiệu quả hơn. Trước khi đánh giá, các cơ quan đánh giá có thể xem xét báo cáo của Khung quản lý rủi ro, xác định vùng rủi ro đối với trại nuôi. Qua đó, công cụ giúp đánh giá viên hiểu hơn về tình hình hiện tại của trại nuôi và đánh giá hiệu quả hơn.

69. Ai là người sẽ hoàn tất việc đánh giá rủi ro và làm sao để sử dụng công cụ này?

Bạn có thể sử dụng công cụ này qua một ứng dụng (ứng dụng sẽ cung cấp hướng dẫn rõ ràng về cách nhập thông tin). Trại nuôi có trách nhiệm hoàn tất việc đánh giá rủi ro, cho dù việc này do một thành viên hoặc đại diện của trại nuôi thực hiện, hoặc việc này được thực hiện với sự hỗ trợ từ chuyên gia tư vấn. Quá trình bắt đầu với các thông tin có trong hồ sơ của trại nuôi, sau đó xác định tác động chính của trại nuôi lên xã hội và môi trường. Các cơ quan đánh giá sẽ có quyền truy cập vào báo cáo và đánh giá của trại nuôi trong quá trình đánh giá trại nuôi. Công cụ sẽ tổng hợp báo cáo tóm tắt bên cạnh các báo cáo đánh giá.

70. Liệu Khung quản lý rủi ro có thay thế yêu cầu hiện tại về BEIA và pSIA?

Các yêu cầu của tiêu chuẩn hiện hành về Đánh giá tác động môi trường và tính đa dạng sinh học (BEIA) và Đánh giá tác động xã hội qua tham vấn cộng đồng (pSIA) tương đối bao quát và không tập trung vào tác động đến từ trại nuôi. Nói đúng hơn, BEIA và pSIA cung cấp các đánh giá chuyên môn cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của ASC. Tiêu chuẩn trại nuôi ASC sẽ loại bỏ các yêu cầu về hai đánh giá này. Nhưng khi đánh giá vùng tác động dựa vào Khung quản lý rủi ro, quá trình đánh giá cũng phải được thực hiện dựa trên các bằng chứng vững chắc.

Trong trường hợp trại nuôi áp dụng BEIA, pSIA hoặc các đánh giá tương tự, Khung quản lý rủi ro sẽ chấp nhận kết quả của đánh giá đó, nhưng với một số điều kiện nhất định.

71. Khung quản lý rủi ro hoạt động như thế nào với các quy định có liên quan đến chỉ số đo lường?

Dự thảo Tiêu chuẩn trại nuôi ASC đề xuất các chỉ số đo lường, các chỉ số Khung quản lý rủi ro (RMF) và các chỉ số báo cáo. Trong một số trường hợp, các yêu cầu về số liệu trong các tiêu chuẩn loài nuôi của ASC đã được đưa vào RMF. Khi thực hiện quá trình này, chúng tôi nhận thấy, một số ngưỡng chỉ số không phù hợp để áp dụng trên toàn cầu, nhưng vẫn giúp xác định tác động có rủi ro tiềm ẩn cao mà trại nuôi cần xử lý và ghi lại (ví dụ, tác động liên quan đến tương tác với động vật hoang dã), và giúp trại nuôi đưa ra các biện pháp cần thiết để giảm thiểu rủi ro. Các ngưỡng này cũng cần được ghi lại để đảm bảo tính minh bạch.